

Bản án số: 389/2020/HS-ST

Ngày: 15-9-2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Thẩm phán: Ông Phạm Viết Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân Lang
2. Bà Phạm Thị Hồng Hương
3. Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đào Công Lữ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 380/2020/HSST ngày 06 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4646/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2020 đối với:

- Các bị cáo:

1. Lê Thành Đ, giới tính: nam; sinh năm 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT: 49/2/2B Đường 51 (địa chỉ cũ: 60/7 Đ1, Phường 14, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 266/13B Tổ 9, ấp 4A, xã B, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: thợ may; trình độ học vấn: 02/12; con ông Lê Văn C và con bà Võ Thị C1; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 01 người con (sinh năm 2018); tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/02/2020 (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Thái D, giới tính: nam; sinh năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT: ấp E, xã E1, huyện E2, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Trần Văn D1 và con bà D2; Hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 02 người con

(con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh ngày 21/4/2020); Tiền án: không; Tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 31/8/2015, bị cáo bị Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, quận Bình Tân ra Quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc, sau đó đến ngày 15/10/2015 ra Quyết định hủy quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc (vì bị cáo có nơi cư trú ổn định).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/02/2020 (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa:

1. Luật sư Đỗ Ngọc O, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tại Văn phòng Luật sư Đỗ Ngọc O bào chữa cho bị cáo Lê Thành Đ (có mặt tại phiên tòa).

2. Luật sư Trần Ngọc H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tại Công ty Luật TNHH MTV H1 bào chữa cho bị cáo Trần Thái D (có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Huỳnh Yến P, sinh năm 1992; trú tại: 31/4A ấp M, xã M1, huyện M2, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: ấp E, xã E1, huyện E2, tỉnh Long An (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 19 giờ 10 phút ngày 10/02/2020, tại trước nhà số 83 đường K, khu phố 2, phường K1, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận L bắt quả tang Lê Thành Đ có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy nhằm mục đích để bán, thu giữ trong túi áo khoác bên trái của Đ đang mặc có 02 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 52,08g loại Methamphetamine; 01 xe máy; 01 điện thoại di động; 01 áo khoác và số tiền 1.500.000 đồng.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Thành Đ tại nhà số 266/13B Tổ 9, ấp 4A, xã B, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh, công an thu giữ: trong tủ gỗ tại phòng ngủ thứ nhất có 01 túi vải màu đỏ, bên trong gồm: 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 44,63g loại Methamphetamine; 01 gói nylon chứa 115 viên nén màu hồng, qua giám định là ma túy ở thể rắn, khối lượng 45,13g loại MDMA; tại phòng ngủ thứ hai có 01 túi vải hình đầu chó treo trên tường bên trong có: 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 3,35g loại Methamphetamine; 01 bóp da màu đỏ bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,43g loại Methamphetamine; 02 cân điện tử; 01 chai nhựa cắt xéo 01 đầu; 01 cái kéo; 50 túi nylon các loại; 01 quạt ga và số tiền 10.000.000 đồng.

Tiếp đó, vào lúc 22 giờ 20 phút cùng ngày 10/02/2020, tại trước nhà số 76 đường Q, xã B, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận 12 bắt quả tang Trần Thái D có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy nhằm mục đích để bán, thu giữ trong cổ áo khoác của D đang mặc có 01 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,43g loại Methamphetamine; 01 xe máy; 02 điện thoại di động; 01 áo khoác và số tiền 1.000.000 đồng.

Toàn bộ số ma túy nêu trên được giám định theo Kết luận giám định số 299/KLGD-H ngày 19/02/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình điều tra đã xác định:

Lê Thành Đ sử dụng ma túy từ tháng 01/2020, nguồn ma túy Đ mua của một đối tượng tên T (không rõ lai lịch) ở khu vực Quận L, sau đó Đ nảy sinh ý định mua ma túy của T về bán lại cho người nghiện kiếm lời. Tổng cộng Đ đã mua ma túy của T 02 lần. Lần đầu cách ngày bị bắt khoảng 1 tháng, Đ mua 100g ma túy đá và 115 viên nén màu hồng (thuốc lắc) với tổng số tiền là 49.250.000 đồng, giao dịch tại khu vực gần Trung tâm Y tế Quận L. Sau khi mua ma túy, Đ đem về chỗ ở cất giấu rồi dùng cân tiểu ly và kéo chia ma túy thành từng gói nhỏ để bán với giá 500.000 đồng/gói, thuốc lắc bán với giá 180.000 đồng/viên, sau đó cất giấu ở phòng ngủ thứ 2, đồng thời thường để 01 gói ma túy giá 500.000 đồng trong tủ gỗ trong phòng ngủ thứ nhất. Đến 12 giờ ngày 10/02/2020 thì Đ đem 01 số ma túy đá cùng thuốc lắc cùng các vật dụng phân chia, sử dụng cất giấu trong túi vải màu đỏ đem cất trong tủ gỗ phòng ngủ thứ nhất. Số ma túy này Đ đã bán cho nhiều người nghiện (không rõ lai lịch), trong đó có đối tượng G 01 gói ma túy đá khoảng 50g với giá 19.000.000 đồng tại khu vực đường K, phường K1, Quận L; đối tượng U ở khu vực M2; I ở quận M2 và đối tượng I ở khu vực Quận 12 mỗi người 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng. Tổng cộng Đ đã thu lợi được 1.500.000 đồng và có ma túy để Đ với D sử dụng.

Lần thứ hai Đ mua ma túy của S là khoảng tháng 02/2020. Vào ngày 08/02/2020, G điện thoại cho Đ đặt mua 50g ma túy đá thì Đ không đủ số lượng ma túy để bán cho G nên Đ đặt mua của S nhưng S báo là không có. Đến khoảng 12 giờ ngày 10/02/2020, G tiếp tục đặt mua 50g ma túy đá, Đ báo giá là 19.000.000 đồng và hẹn khi nào có sẽ giao cho G thì G đồng ý. Sau đó, Đ điện thoại cho S đặt mua ma túy, S báo giá là 18.000.000 đồng và hẹn khoảng 18 giờ cùng ngày giao cho Đ tại khu vực chợ M thì Đ đồng ý. Tiếp đó, Đ sử dụng xe máy đến điểm hẹn đưa tiền và nhận ma túy từ S là 01 gói nylon chứa ma túy và Đ xin S thêm 01 gói nylon rỗng, sau đó phân chia thành 02 gói, 01 gói để bán cho G và 01 gói còn lại có ít ma túy đá để có khách hỏi mua thì bán. Sau khi nhận ma túy, Đ gọi điện thoại cho G hẹn G giao nhận ma túy tại khu vực đường K, phường K1, Quận L, nhưng trên đường Đ đi giao ma túy thì bị bắt quả tang như nêu trên, rồi khám xét thu giữ số ma túy chưa bán hết ở lần mua ma túy thứ nhất.

Đồng thời, Đ còn khai nhận vào cùng ngày 10/02/2020, khoảng 15 giờ, U điện thoại cho Đ đặt mua 01 gói ma túy giá 500.000 đồng nên Đ điện thoại gọi Trần Thái D đến chỗ ở của Đ lấy 01 gói ma túy khoảng 0,5g Đ cất sẵn trong tủ gỗ ở phòng ngủ thứ nhất đem đi giao cho U ở khu vực đường Y, xã Y1, huyện M2, rồi lấy số tiền 500.000 đồng đem về cho Đ.

Quá trình mua bán ma túy thì đối với G sẽ do Lê Thành Đ trực tiếp đi giao ma túy, còn U, I thì Đ gọi điện thoại cho Trần Thái D đến nhà gặp Đ nhận ma túy đi giao và nhận tiền đem tiền về cho Đ. Trường hợp Đ không có nhà thì Đ sẽ điện thoại nói D vào phòng ngủ lấy ma túy mà Đ đã phân sẵn và cất giấu để đi giao. D được Đ trả công mỗi lần đi giao ma túy là 100.000 đồng và cho ma túy để sử dụng.

Lời khai của Trần Thái D phù hợp với lời khai của Lê Thành Đ về việc phụ giúp Đ bán ma túy. D nghiện ma túy từ năm 2015, sau đó ngừng sử dụng đến khoảng cuối tháng 01/2020, do cần tiền tiêu xài và cần ma túy để sử dụng nên giúp sức cho Đ bán ma túy. D khai chỉ biết Đ mua ma túy của S, số lượng, giá tiền như thế nào thì D không biết, việc thỏa thuận giá cả, phân chia ma túy do Đ phụ trách, D chỉ nhận ma túy từ Đ hoặc theo chỉ dẫn của Đ vào phòng ngủ thứ nhất lấy ma túy để trong tủ gỗ rồi đi giao cho khách, sau đó lấy tiền về đưa lại cho Đ. D đã giúp Đ đi giao ma túy 02 lần và lần cuối là vào ngày 10/02/2020, Đ bảo D đến chỗ của Đ lấy 01 gói ma túy bên trong tủ gỗ ở phòng ngủ thứ nhất để giao cho U, nhưng chưa kịp giao thì bị bắt quả tang.

Cáo trạng số 278/CT-VKS-P1 ngày 24/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố: bị cáo Lê Thành Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Trần Thái D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai nhận hành vi như cáo trạng đã thể hiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tuyên phạt các bị cáo với mức án như sau:

1. Lê Thành Đ: 20 năm tù, xử phạt bổ sung 20.000.000 đồng.

2. Trần Thái D: từ 07 năm đến 08 năm tù, xử phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Đồng thời, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Luật sư Đỗ Ngọc O bào chữa cho bị cáo Lê Thành Đ thống nhất với điều khoản truy tố bị cáo Đ nhưng không đồng ý với mức hình phạt mà đại diện Viện

kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tại phiên tòa. Luật sư trình bày về các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Đ là: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có trình độ học vấn thấp, hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn: cha bị cáo đã chết, mẹ bị cáo già yếu, con bị cáo còn nhỏ; số lượng ma túy bị cáo mua bán đã bị thu giữ nên việc phát tán ma túy đã được ngăn chặn một phần. Từ đó Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Đ được hưởng mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

- Luật sư Trần Ngọc H bào chữa cho bị cáo Trần Thái D thống nhất với điều khoản truy tố bị cáo D nhưng không đồng ý với mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tại phiên tòa. Luật sư cho rằng bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức, hưởng lợi thấp, bị cáo hiện đang bị bệnh tiểu đường rất nặng, hoàn cảnh gia đình bị cáo lại khó khăn: bị cáo là lao động chính nuôi cha mẹ già và 02 con nhỏ, người thân trong gia đình bị cáo có công với cách mạng. Từ đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo D được hưởng mức hình phạt dưới khung hình phạt truy tố, đồng thời đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo D.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và mức hình phạt đã đề nghị. Về phía các Luật sư cũng giữ nguyên quan điểm bào chữa của mình.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo mức án nhẹ hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Do vậy, các hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người bào chữa là hợp pháp.

[2] Căn cứ theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét và thu giữ vật chứng; lời khai của các bị cáo; các kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận như sau:

Lê Thành Đ bắt đầu mua bán ma túy từ tháng 01/2020, nguồn ma túy do Đ mua của một người tên S (không rõ lai lịch), sau đó mang về chỗ ở chia nhỏ ra bán cho người nghiện kiếm lời. Ngoài việc Đ tự đi giao ma túy cho khách thì còn có Trần Thái D nhiều lần đi giao ma túy cho khách của Đ, và được Đ trả tiền công 100.000 đồng/lần và cho ma túy để sử dụng.

Vào khoảng 12 giờ ngày 10/02/2020, một người tên G (không rõ lai lịch) điện thoại cho Đ đặt mua 50g ma túy đá thì Đ báo giá là 19.000.000 đồng và hẹn khi nào có ma túy sẽ giao cho G thì G đồng ý. Sau đó, Đ điện thoại cho đối tượng tên S (không rõ lai lịch) đặt mua 50g ma túy đá với giá là 18.000.000 đồng và S hẹn khoảng 18 giờ cùng ngày giao cho Đ tại khu vực chợ M2. Sau đó Đ đến điểm hẹn đưa tiền và nhận 01 gói ma túy từ S rồi Đ phân chia thành 02 gói (01 gói để bán cho G và 01 gói còn lại có ít ma túy đá để có khách khác). Sau khi nhận được ma túy, Đ gọi điện thoại cho G hẹn giao nhận ma túy tại khu vực đường K, phường K1, Quận L. Nhưng khi Đ đi đến trước nhà số 83 đường K, khu phố 2, phường K1, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị bắt quả tang cùng 02 gói ma túy, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 52,08g, loại Methamphetamine.

Ngoài ra, vào khoảng 15 giờ cùng ngày 10/02/2020, đối tượng U điện thoại cho Đ đặt mua 01 gói ma túy giá 500.000 đồng nên Đ điện thoại gọi Trần Thái D đến chỗ ở của Đ lấy 01 gói ma túy khoảng 0,5g mà Đ cất sẵn trong tủ gỗ ở phòng ngủ thứ nhất đem đi giao cho U ở khu vực đường Y, xã Y1, huyện M2, rồi lấy số tiền 500.000 đồng đem về cho Đ. Nhưng vào lúc 22 giờ 20 phút cùng ngày, khi D đi giao ma túy đến trước nhà số 76 đường Q, xã B, huyện B1 thì bị công an bắt quả tang, thu giữ 01 gói ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,43g loại Methamphetamine.

Vào khoảng 20 giờ 55 phút cùng ngày 10/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận 12 tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Thành Đ tại phòng nhà số 266/13B Tổ 9, ấp 4A, xã B, huyện B1, thu giữ ma túy ở thể rắn có khối lượng tổng cộng là: 48,41g loại Methamphetamine và 45,13g loại MDMA.

Với các hành vi như đã nêu ở trên thì hoàn S có cơ sở kết luận: bị cáo Lê Thành Đ và bị cáo Trần Thái D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Lê Thành Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng là: 52,08g, loại Methamphetamine thu giữ khi bắt quả tang; 0,43g loại Methamphetamine giao cho Trần Thái D; 48,41g loại Methamphetamine và 45,13g loại MDMA thu giữ tại nhà, tổng cộng là 146,05g ma túy ở thể rắn (gồm có 100,92g loại Methamphetamine và 45,13g loại MDMA). Do đó, bị cáo Lê Thành Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với Trần Thái D phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phụ giúp Lê Thành Đ mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần, trong đó có 01 lần bị bắt quả tang với khối lượng ma túy là 0,43g loại Methamphetamine nên phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Do đó, truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo là hoàn S có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thành Đ là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo Trần Thái D là rất nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo nêu trên đã trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý về ma túy của Nhà nước. Các bị cáo biết rõ ma túy không những hủy hoại sức khỏe của chính người sử dụng, mà còn là một trong những nguyên nhân phát sinh ra nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án nghiêm, tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo, mới có đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của từng bị cáo.

Trong vụ án này, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cần áp dụng cho các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Lê Thành Đ có học vấn thấp (02/12) và có con còn nhỏ (sinh năm 2018); bị cáo Trần Thái D có hoàn cảnh khó khăn, bản thân là lao động chính trong gia đình, nuôi cha mẹ già, con nhỏ sinh ngày 21/4/2020 (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã E1, huyện E2 tỉnh Long An) và người thân trong gia đình bị cáo có công với cách mạng (cha của bị cáo có cô ruột là Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng) nên cần xem xét áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho các bị cáo.

Với hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo như đã phân tích ở trên thì Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội tương ứng với từng bị cáo.

[4] Ngoài hình phạt chính thì Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lê Thành Đ theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015. Riêng bị cáo Trần Thái D phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo Lê Thành Đ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D.

[5] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Thành Đ xác định đã thu lợi số tiền 1.500.000 đồng, Trần Thái D xác nhận thu lợi 200.000 đồng từ việc mua bán trái phép chất ma túy nên cần buộc hai bị cáo nộp lại số tiền này để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[6] Đối với bà Nguyễn Thị Bích Ô là vợ của Lê Thành Đ đã mở cửa cho Trần Thái D vào nhà nhưng không biết Đ và D mua bán ma túy nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, Tòa án không xem xét đối với bà Ngọc.

Đối với các đối tượng tên S, G, U và I thì Cơ quan Cảnh sát điều tra cần tiếp tục xác minh làm rõ, khi có cơ sở thì xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 11.500.000 đồng thu giữ của Lê Thành Đ: có 1.500.000 đồng là tiền Đ có được do mua bán ma túy và 10.000.000 đồng Đ khai dùng để mua ma túy nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của Trần Thái D: bị cáo D xác nhận đây là tiền có được do D chăm sóc cây cảnh cho Đ nên cần trả lại số tiền này cho bị cáo D, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 chiếc xe gắn máy biển số 50Y1-45925 thu giữ khi bắt quả Trần Thái D: qua xác minh xe này do bà Phạm Huỳnh Yến P đứng tên đăng ký sở hữu (bà P là vợ của Trần Thái D). Bà P khai giao xe này cho bị cáo D sử dụng đi làm, bà không biết D dùng xe đi mua bán ma túy, do đó, cần trả lại chiếc xe này cho bà P.

- Đối với 01 chiếc xe gắn máy biển số 59L4-7999 thu giữ của Lê Thành Đ: qua xác minh xe do ông Phan Văn Ê đứng tên đăng ký, nhưng ông Ê khai nhận không đứng tên đăng ký chủ sở hữu đối với chiếc xe trên. Lê Thành Đ khai mua lại chiếc xe này của một đối tượng tên R1 (không rõ lai lịch) với giá 60.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thực hiện thủ tục đăng báo tìm chủ sở hữu của chiếc xe này nhưng chưa có ai đến trình báo nên cần tiếp tục đăng thông tin tìm chủ sở hữu trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 12 tháng đối với chiếc xe gắn máy nêu trên, nếu hết thời hạn này mà không ai chứng minh được quyền sở hữu thì tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 cái điện thoại di động hiệu Iphone mặt sau có ghi số Model A1533 Imei 358811059896199 thu giữ của bị cáo Trần Thái D: D khai điện thoại này D mua từ tiền chăm sóc cây cảnh cho Đ và D chưa sử dụng, xét không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại điện thoại này cho D.

- Đối với các điện thoại di động còn lại thu giữ của các bị cáo: xét thấy các bị cáo dùng các điện thoại này để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với các gói ma túy còn lại sau giám định, 02 cái cân điện tử, 01 dụng cụ sử dụng ma túy, 02 cái áo khoác, 01 cái túi vải màu đỏ, 50 túi nylon các loại, 01 cái kéo, 01 chai nhựa cắt xéo 01 đầu, 01 hộp quẹt ga, 01 túi vải hình đầu chó, 01 ống nhựa cắt xéo 01 đầu, 01 (một) bóp da: xét thấy không có giá trị sử dụng hoặc giá trị sử dụng thấp nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí hình sự: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với Lê Thành Đ);

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với Trần Thái D);

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (đối với xử lý vật chứng);

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Xử phạt: **Lê Thành Đ** 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 10/02/2020.

Xử phạt bổ sung: Buộc Lê Thành Đ phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt: **Trần Thái D** 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 10/02/2020.

- Trả lại cho Trần Thái D số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho Trần Thái D 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone (phía sau lưng điện thoại có ghi số Model A1533 Imei 358811059896199) tạm giữ của Trần Thái D.

- Trả lại cho bà Phạm Huỳnh Yến P 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: không xác định, số loại: không xác định, BS: 50Y1-459.25, SK: MH8DL11AZKJ204002, SM: CGA1ID204069 (tạm giữ của Trần Thái D, xe không gương, hư cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra).

- Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để tìm chủ sở hữu trong thời hạn 12 (mười hai) tháng và trả lại cho ai chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp đối với 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: không xác định, số loại: không xác định, BS: 51L4-7999, SK: ZDCKF08A06F056707, SM: KF08E0037331-KTGE1 (tạm giữ của Lê Thành Đ, xe không gương, hư cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra). Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không có chủ sở hữu hợp pháp đến nhận thì tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với:

+ Số tiền 11.500.000 đồng (mười một triệu năm trăm nghìn đồng);

+ 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone, không rõ số Imei (phía sau lưng điện thoại có ghi Model A1688), tạm giữ của Trần Thái D;

+ 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Iphone, không rõ số Imei tạm giữ của Lê Thành Đ (Imei khay sim không có).

- Tịch thu tiêu hủy đối với:

+ 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 299/2020 G1 Q12 có chữ ký của giám định viên Võ Anh T5 (PC09) và cán bộ điều tra Nguyễn Phi T6 (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định (có khối lượng 59,7866 gam, loại Methamphetamine);

+ 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 299/2020 G2 Q12 có chữ ký của giám định viên Võ Anh T5 (PC09) và cán bộ điều tra Nguyễn Phi T6 (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định (tinh thể không màu (m2) có khối lượng 46,5831 gam, loại Methamphetamine; 110 (một trăm mười) viên nén màu hồng (m3) có khối lượng 43,1557 gam, loại MDMA);

+ 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 299/2020 G3 Q12 có chữ ký của giám định viên Võ Anh T5 (PC09) và cán bộ điều tra Nguyễn Phi T6 (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định (có khối lượng 3,2470 gam, loại Methamphetamine);

+ 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 299/2020 G4 Q12 có chữ ký của giám định viên Võ Anh T5 (PC09) và cán bộ điều tra Nguyễn Phi T6 (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định (có khối lượng 0,1940 gam, loại Methamphetamine);

+ 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 299/2020 G5 Q12 có chữ ký của giám định viên Võ Anh T5 (PC09) và cán bộ điều tra Nguyễn Phi T6 (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định (có khối lượng 0,3802 gam, loại Methamphetamine);

+ 01 (một) cái dụng cụ sử dụng ma túy gồm bình nhựa có gắn nỏ và ống hút tạm giữ của Lê Thành Đ;

+ 01 (một) cái cân điện tử tạm giữ của Lê Thành Đ;

+ 01 (một) cái túi vải màu đỏ tạm giữ của Lê Thành Đ;

+ 50 (năm mươi) cái túi nylon các loại tạm giữ của Lê Thành Đ;

+ 01 (một) cái kéo bằng kim loại tạm giữ của Lê Thành Đ;

+ 01 (một) cái chai nhựa cắt xéo 01 (một) đầu tạm giữ của Lê Thành Đ;

+ 01 (một) cái hộp quẹt ga tạm giữ của Lê Thành Đ;

+ 01 (một) cái áo khoác Jean màu xanh tạm giữ của Lê Thành Đ;

+ 01 (một) cái túi vải hình đầu chó tạm giữ của Lê Thành Đ;

+ 01 (một) cái ống nhựa cắt xéo 01 (một) đầu tạm giữ của Lê Thành Đ;

+ 01 (một) cái bóp da màu đỏ tạm giữ của Lê Thành Đ;

+ 01 (một) cái áo khoác màu xanh tạm giữ của Trần Thái D.

(Tất cả tang vật nêu trên được liệt kê theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2020/335 ngày 30/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và 02 (hai) Giấy nộp tiền ngày 05/3/2020 do ông Nguyễn Phi Tùng nộp vào tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh

mở tại Kho bạc Nhà nước Quận 10 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam).

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (2)
- Người có QL, NVLQ; (1)
- Người bào chữa; (2)
- THAHS; (2)
- P. PC 53 - CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (23) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Ngọc Thắng